

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 4330/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt đầu tư
theo quy định của pháp luật về đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9018/STC-TC&PTDN ngày 08/12/2025 về việc xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư; ý kiến thống nhất của các Ủy viên UBND tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu : VT, CN (TP, T.Tr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

DANH MỤC ĐỊA BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ VÀ ĐỊA BÀN ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 4330/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh)

I. Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

STT	Tên xã/phường	STT	Tên xã/phường	STT	Tên xã/phường
1	Xã Anh Sơn	18	Xã Mường Típ	35	Xã Tam Hợp
2	Xã Yên Xuân	19	Xã Na Ngoi	36	Xã Châu Lộc
3	Xã Nhân Hòa	20	Xã Mỹ Lý	37	Xã Châu Hồng
4	Xã Anh Sơn Đông	21	Xã Bắc Lý	38	Xã Mường Ham
5	Xã Vĩnh Tường	22	Xã Keng Đu	39	Xã Mường Chộng
6	Xã Thành Bình Thọ	23	Xã Huồi Tụ	40	Xã Minh Hợp
7	Xã Con Cuông	24	Xã Mường Lống	41	Xã Tam Quang
8	Xã Môn Sơn	25	Xã Quế Phong	42	Xã Tam Thái
9	Xã Mậu Thạch	26	Xã Tiên Phong	43	Xã Tương Dương
10	Xã Cam Phục	27	Xã Tri Lễ	44	Xã Lượng Minh
11	Xã Châu Khê	28	Xã Mường Quàng	45	Xã Yên Na
12	Xã Bình Chuẩn	29	Xã Thông Thụ	46	Xã Yên Hòa
13	Xã Mường Xén	30	Xã Quý Châu	47	Xã Nga My
14	Xã Hữu Kiệm	31	Xã Châu Tiến	48	Xã Hữu Khuông
15	Xã Nậm Cắn	32	Xã Hùng Chân	49	Xã Nhân Mai
16	Xã Chiêu Lưu	33	Xã Châu Bình		
17	Xã Na Loi	34	Xã Quý Hợp		

II. Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

STT	Tên xã/phường	STT	Tên xã/phường	STT	Tên xã/phường
1	Xã Nghĩa Đàn	10	Xã Tân An	19	Xã Tam Đồng
2	Xã Nghĩa Thọ	11	Xã Nghĩa Đồng	20	Xã Hạnh Lâm
3	Xã Nghĩa Lâm	12	Xã Giai Xuân	21	Xã Sơn Lâm
4	Xã Nghĩa Mai	13	Xã Nghĩa Hành	22	Xã Hoa Quân
5	Xã Nghĩa Hưng	14	Xã Tiên Đồng	23	Xã Kim Bảng
6	Xã Nghĩa Khánh	15	Phường Thái Hòa	24	Xã Bích Hào
7	Xã Nghĩa Lộc	16	Phường Tây Hiếu	25	Xã Đại Đồng
8	Xã Tân Kỳ	17	Xã Đông Hiếu	26	Xã Xuân Lâm
9	Xã Tân Phú	18	Xã Cát Ngạn		